

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **153/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 16.4.2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Nguyễn Hồng Bách**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Bà Hoàng Thị Hòa**

Ông Nguyễn Hữu Đức

- *Thư kí phiên tòa :* **Ông Nguyễn Đăng Hùng** – Thư kí Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:* **Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16.4.2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử công khai vụ án thụ lí số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 14.1.2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 17.3.2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị Huyền T**, sinh năm 1989; Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại Thôn Gia L, xã Việt H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: **Anh Đinh Vũ Giản C**, sinh năm 1985; Đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Thôn Gia L, xã Việt H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 6.1.2020 và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh Đinh Vũ Giản C kết hôn ngày 27/9/2012 tại UBND xã Việt H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ của chị tại Thôn Gia L, Việt H, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C đam mê lô đề, bài bạc và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác (tên là Hà Thái L) làm cho người này có thai (có tài liệu gửi kèm là các tin nhắn). Sau khi biết việc ngoại tình chị

đã nói chuyện với anh C đề nghị chấm dứt việc ngoại tình nhưng anh C có chấm dứt hay không thì chị không rõ. Bố mẹ hai bên đều biết việc vợ chồng mâu thuẫn và khuyên giải để hai vợ chồng hòa thuận và đoàn tụ nhưng đến nay tình trạng quan hệ vợ chồng không được cải thiện. Anh C vẫn tiếp tục chơi bài bạc. Vợ chồng đã sống ly thân, ở cùng nhà nhưng khác phòng, hai bên không quan tâm, chăm sóc gì với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên xin ly hôn anh C.

+ **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Minh N - sinh ngày 14/01/2015 và cháu Đinh Minh Đ - sinh ngày 01/9/2016, hiện các cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung.

Về thu nhập chị T có công ty riêng nên thu thập hàng tháng khoảng 100 triệu nên đủ điều kiện chăm sóc cho các con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung

+ **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Vũ Giản C trình bày:

Thông nhất với lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng bình thường. Tuy nhiên, từ tháng 12/2019 đến nay hai vợ chồng sống chung một nhà nhưng không sinh hoạt cùng phòng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Minh N-sinh ngày 14/01/2015 và cháu Đinh Minh Đ-sinh ngày 01/9/2016, hiện các cháu đang ở với hai vợ chồng. Khi ly hôn tôi đề nghị được nuôi cả hai con chung. Sau khi ly hôn tôi sẽ về Phú Thọ sinh sống cùng gia đình tôi và cho hai con chung về sống cùng. Thu thập hàng tháng khoảng 20 triệu nên đủ điều kiện chăm sóc cho các con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Hai vợ chồng có 01 ô tô Ford Everest BKS 30A377.34 mua năm 2014 đứng tên chị T, tôi đề nghị chia đôi giá trị xe. Ngoài ra không có tài sản chung nào khác.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin li hôn với anh C, xin được nuôi 2 con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Anh C không đồng ý ly hôn vì vẫn anh nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình nhưng tha thứ cho chị T để hai vợ chồng về cùng nuôi dạy con chung.

Trường hợp phải giải quyết ly hôn anh xin được nuôi cháu lớn.

Về tài sản chung vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến tài sản.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh:

Qua công tác kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý cho đến khi xét xử:

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý đúng thẩm quyền,

xác định đúng người tham gia tố tụng.

Thời hạn thụ lý vụ án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ vợ chồng và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đúng với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự tại phiên tòa.

Về phía đương sự: Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Về tình cảm:

Chị T và anh C kết hôn với nhau năm 2012 tại UBND xã Việt H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ chị T ở tại Gia L, Việt H, Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C đam mê chơi bài bạc và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Sau khi biết việc ngoại tình vợ chồng đã nói chuyện để anh C chấm dứt việc ngoại tình, bố mẹ hai bên đều biết việc vợ chồng mâu thuẫn và khuyên giải để hai vợ chồng hòa thuận và đoàn tụ nhưng đến nay tình trạng hôn nhân hai vợ chồng không được cải thiện, anh C vẫn tiếp tục chơi bài bạc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019, ở cùng nhà nhưng khác phòng, hai bên không quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên xin ly hôn anh C. Tại phiên tòa, anh C không đồng ý ly hôn lý do anh cho rằng chị T muốn ly hôn anh là do chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh C không đồng ý ly hôn chỉ là gây khó khăn cho chị T. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh C.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Cháu Đình Minh N- sinh ngày 14/01/2015 và cháu Đình Minh Đ-sinh ngày 01/9/2016 hiện đang học tại trường mầm non Hoa Sen ở Việt H. Ly hôn chị T giữ nguyên quan điểm có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Tại phiên tòa, anh C đề nghị nếu phải ly hôn xin được nuôi cháu Đình Minh N. Xét thấy, chị T có nhà ở cố định, thu nhập cao và ổn định, hiện các cháu đang học tập ổn định tại Gia L, Việt H, tâm sinh lý phát triển bình thường; anh C không có nhà ở Hà Nội, không xuất trình tài liệu chứng minh thu nhập của bản thân. Các cháu N và Đức đều còn nhỏ, sức khỏe còn yếu, cần tình cảm và sự yêu thương, chăm sóc chu đáo của người mẹ nên để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu thì điều kiện của chị T đáp ứng đủ cả về vật chất và tinh thần cho các cháu tốt hơn anh C. Do vậy, giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng các cháu là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, nợ và nhà đất ở: Tại phiên tòa chị T và anh C đều không yêu cầu chia tài sản chung. Do vậy, không đặt ra xem xét đối với phần chia tài sản chung.

Về án phí:

Căn cứ Điều 27 khoản 5, Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, vụ án áp dụng án phí không có giá ngạch.

Về hôn nhân:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đề nghị Tòa án tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Huyền T với anh Đinh Vũ Giản C. Xử cho chị Phạm Thị Huyền T được ly hôn với anh Đinh Vũ Giản C.

+ Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Cháu Đinh Minh N- sinh ngày 14/01/2015 và cháu Đinh Minh Đ- sinh ngày 01/9/2016, Ly hôn giao các con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ và nhà đất ở: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Vụ án thuộc trường hợp không có giá ngạch. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 6.1.2020 Chị T đã có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đinh Vũ Giản C và nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn hiện cư trú tại Thôn Gia L, Việt H, Đ, Hà Nội nên Tòa án thụ lý đơn khởi kiện nên việc thụ lý đơn và thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền về loại việc và thẩm quyền về lãnh thổ.

Chị T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Anh C có yêu cầu về chia tài sản là giá trị chiếc xe ô tô Ford- Everest. Tòa án có thông báo về việc anh C phải làm đơn yêu cầu chia tài sản để Tòa án tính số tiền nộp dự án phí nhưng anh C không nộp, không đến Tòa án giải quyết vụ án kể từ ngày 15.1.2020. Tại phiên tòa, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung vợ chồng cũng như không có bất kỳ yêu cầu nào có liên quan đến tài sản.

Bố mẹ chị T (ông Phạm Thế L và bà Nguyễn Thị H) không yêu cầu giải quyết về số tiền cho chị T vay nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy Tòa án chỉ giải quyết yêu cầu ly hôn và nuôi con chung.

Tòa án xác định vụ án có nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng là đúng và đầy đủ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự đến để ghi lời khai và triệu tập bị đơn đến Tòa làm việc theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Chị T và anh C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt H, huyện Đ ngày 27.9.2012 nên hôn nhân trên là hợp pháp.

Lí do ly hôn chị T nêu nguyên nhân là do “anh C đam mê lô đề, bài bạc và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác (tên là Hà Thái L) làm cho người này có thai (có tài liệu gửi kèm là các tin nhắn). Sau khi biết việc ngoại tình tôi đã nói chuyện với anh C đề nghị chấm dứt việc ngoại tình nhưng anh C có chấm dứt hay không thì tôi không rõ. Bố mẹ hai bên đều biết việc vợ chồng mâu thuẫn và khuyên giải để hai vợ chồng hòa thuận và đoàn tụ nhưng đến nay tình trạng quan hệ vợ chồng không được cải thiện, chồng tôi vẫn tiếp tục chơi bài bạc. Vợ chồng đã sống ly thân, ở cùng nhà nhưng khác phòng, hai bên không quan tâm, chăm sóc gì với nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên xin ly hôn anh C”.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15.1.2020 anh C có ý kiến xác nhận vợ chồng có chung sống cùng một nhà nhưng không ngủ cùng phòng và một tháng nay không còn ăn chung nữa. Anh vẫn quan tâm đến chị T nhưng chị T không còn quan tâm đến anh nữa.

Tại phiên tòa anh C cũng khai hiện giờ anh không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung vợ chồng.

Lời khai của ông Phạm Thế L và bà Nguyễn Thị H: Chị T và anh C kết hôn với nhau năm 2012 tại UBND xã Việt H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà của ông bà tại Thôn Gia L, Việt H, huyện Đ, Hà Nội. Đến năm 2019, sau khi vợ chồng tôi xây dựng xong ngôi nhà 05 tầng trên thửa đất tại Gia L, Việt H, huyện Đ, Hà Nội thì có cho chị T và anh C sinh sống nhờ tại đó. Thời gian đầu sinh sống hạnh phúc, sau đó thì hai vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C chơi bài đánh bạc và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chúng tôi là người phụ nữ đó đã nhắn tin, ghen tuông lại với chị T. Hai vợ chồng ông bà đã khuyên giải anh C và nói chuyện nhiều lần với gia đình nhà anh C để hòa giải và đoàn tụ cho anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị T có đơn yêu cầu được ly hôn anh C, quan điểm của ông bà là không muốn anh chị ly hôn, nhưng nếu chị T quyết tâm ly hôn thì do chị T quyết định. Anh C không vay nợ gì vợ chồng ông bà. Chị T có

vay tiền vợ chồng tôi để làm ăn nhưng chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện anh C lái xe thuê cho gia đình ông bà.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đình Minh N- sinh ngày 14/01/2015 và cháu Đình Minh Đ- sinh ngày 01/9/2016 hiện đang học tại trường mầm non Hoa S ở Việt H. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi cả hai con chung. Chúng tôi thấy chị T có đủ điều kiện kinh tế để nuôi các cháu.

- Lời khai của ông Đình Hồng T và bà Vũ Thị H: Chị T và anh C kết hôn với nhau năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai gia đình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại Gia L, Việt H, huyện Đ, Hà Nội. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C chơi bời đánh bạc và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Gia đình đã nhắc nhở, góp ý để anh C thay đổi và cùng gia đình thông gia gặp gỡ để hàn gắn tình cảm của vợ chồng anh chị. Việc anh C có thay đổi không là do anh tự giác. Nay chị T có đơn yêu cầu được ly hôn anh C thì quyền quyết định của anh chị. Nếu ly hôn gia đình sẽ tạo điều kiện để anh C có chỗ ở nuôi dạy các con, anh C không có nhà ở Hà Nội.

- Tại Biên bản xác minh ngày 04/02/2020 tại UBND xã Việt H và đại diện Thôn Gia L cho biết: Anh C và chị T có kết hôn với nhau năm 2012 tại UBND xã Việt H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà của bố mẹ chị T ở Gia L, Việt H, huyện Đ, Hà Nội. Đến năm 2017, anh chị ra ở nhà mới ở cùng thôn Gia L và mở văn phòng công ty xuất khẩu lao động, tư vấn du học, công ty đứng tên ai, nhà đất là của ai thì địa phương không nắm được. Qua nắm bắt thông tin có xác định anh chị có mâu thuẫn, xích mích, thực tế tình trạng mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Anh chị chưa bao giờ đề nghị Tòa án hòa giải mâu thuẫn cho vợ chồng anh chị. Nay chị T có đơn yêu cầu được ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, chị T cung cấp cho Tòa án tài liệu thể hiện anh C có hành vi cố ý gây thương tích với chị T và đã được Công an huyện Đ xử lý hành chính.

Điều 17. Bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng

Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp, Luật này và các luật khác có liên quan.

Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Những ý kiến của các bên trình bày tại phiên tòa, thực trạng cuộc sống vợ chồng đã cho thấy rõ cả hai bên đều đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân của hai bên thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 qui định “ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. ”

Như vậy, mặc dù anh C trình bày vẫn còn tình cảm với chị T và muốn về đoàn tụ nhưng hành động của anh C không thể hiện đúng như vậy. Cụ thể anh C không đến tham gia 02 buổi hòa giải đoàn tụ vợ chồng do Tòa án tổ chức, có hành vi bạo lực bóp cổ, cắn vào vai của chị T. Cùng với ý kiến của hai bên gia đình, địa phương nơi chị T và anh C chung sống, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân của chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị Phạm Thị Huyền T được li hôn anh Đinh Vũ Giản C.

Con chung vợ chồng: anh C và chị T có 02 con chung là cháu Đinh Minh N, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Đinh Minh Đ, sinh ngày 01/9/2016, hiện các cháu đang ở với hai vợ chồng. Anh C đề nghị nuôi cháu lớn, không đề nghị cấp dưỡng nuôi con; chị T đề nghị được nuôi 2 con chung, không đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

Xem xét về điều kiện nuôi con: chị T đang cư trú tại Thôn Gia L, xã Việt H, huyện Đ, Hà Nội. Quyền sử dụng đất của chị T, nhà 3 tầng trên đất của bố mẹ chị T cho sử dụng. Chị T chứng minh được thu nhập của mình, thu nhập cao ổn định. Chị T đang có công ty riêng, có thu nhập, hiện các cháu đang học tập ổn định tại trường mẫu giáo Hoa S trên địa bàn xã Gia L, Việt H, huyện Đ.

Về phía anh C sau khi có lời khai ngày 15.1.2020 anh C không đến Tòa án nhân dân huyện Đ để giải quyết vụ kiện. Qua các biên bản không tổng đạt được của Tòa án xác định anh C không còn chung sống với chị T tại Thôn Gia L, Việt H, huyện Đ, Hà Nội. Anh C cũng không về nhà của bố mẹ đẻ của mình ở Khu 6, thôn Làng S, Trung N, Thanh T, Phú Thọ để sinh sống, anh C không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án về điều kiện nơi ở, cũng như không xuất trình tài liệu chứng minh thu nhập của bản thân để có căn cứ chứng minh khả năng đảm bảo điều kiện mọi mặt cho con nếu được giao cho chăm sóc sau khi ly hôn. Bản thân anh C thừa nhận hiện anh đang làm một số công việc tạm thời, ăn ngủ tại nơi làm việc, do chị T không cho làm lái xe đưa đón vợ và học viên cũng như bố mẹ vợ không giao xe cho chở khách.

Các cháu N và Đ đều còn nhỏ đang ở độ tuổi mẫu giáo.

Vì vậy xét tổng thể tại thời điểm xét xử thì điều kiện để đảm bảo toàn diện cho hai cháu chị T có nhiều lợi thế hơn anh C. Nên giao cả hai cháu cho chị T chăm sóc là đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu.

Do vậy, giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng các cháu là phù hợp. Khi nào anh C có đủ điều kiện để đảm bảo mọi mặt cho các cháu thì có thể thỏa thuận với chị T về nuôi con chung, Nếu không thỏa thuận được thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về vấn đề cấp dưỡng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết mặc dù chị T đã được Tòa án giải thích về quyền của con được cấp dưỡng khi bố mẹ li hôn nhưng chị T không yêu cầu. Do đó tạm thời hoãn việc cấp dưỡng đóng góp nuôi con cho anh C. Anh C có quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Tài sản chung vợ chồng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C có lời khai tại phiên tòa không yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng và không có tranh chấp gì liên quan đến vấn đề tài sản. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng. Nếu anh C có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Bố mẹ đẻ của chị T, ông Phạm Thế L và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về số tiền cho chị T vay nên không xem xét giải quyết. Nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 227 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Huyền T xin ly hôn với anh Đinh Vũ Giản C.

Tuyên xử:

Chị Phạm Thị Huyền T được ly hôn với anh Đinh Vũ Giản C.

Về con chung: Chị T và anh C có hai con chung là: cháu Đinh Minh N, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Đinh Minh Đ, sinh ngày 01/9/2016

Giao cháu Đinh Minh N, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Đinh Minh Đ, sinh ngày 01/9/2016 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh C cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung vợ chồng: Tòa án không giải quyết.

Về án phí chị Phạm Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2028/0015309 ngày 14.1.2020 nay được chuyển thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị T, anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự trong vụ án;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã Việt H (để ghi vào sổ đăng ký kết hôn số 81/2012 quyền 01/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Bách